TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2018/QĐST- DSST	*Sầm Sơn, ngày 19 tháng 03 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 221, Điều 234, điểm a khoản 1 Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ Điều 43 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản khoản 4 Điều 3, khoản 5 Điều 98; điểm d khoản 1 Điều 99; điểm g khoản 1, khoản 3 Điều 100; khoản 1, khoản 2 Điều 101; khoản 4 và khoản 5 Điều 103 Luật đất đai 2013.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 03 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2017/TLST-DSST ngày 16 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trình Thị C – sinh năm 1928 (vợ ông Lưu Văn T)

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lưu Văn T – sinh năm 1982

Địa chỉ:Thôn 3 xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

- Bị đơn: Ông Lưu Văn T – sinh năm 1957 (con trai ông Lưu Văn B)

Địa chỉ: Thôn 3 xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lưu Thị V – sinh năm 1962; bà Lưu Thị X – sinh năm 1965; bà Lưu Thị H – sinh năm 1968; anh Lưu Văn T – sinh năm 1982.(đều là các con, cháu của ông T và bà C)

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn 3, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố S, tỉnhThanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức V - Chủ tịch UBND

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Doãn C - Phó Chủ tịch UBND xã

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Năm 2007, ông Lưu Văn T chết không để lại di chúc, tài sản riêng của ông T gồm; diện tích đất 2.442 m^2 , tại thửa số 220 (ký hiệu T), tờ bản đồ 02, bản đồ địa chính 299/TTg và sổ mục kê lập1985. Địa chỉ thửa đất tại thôn 3 xã Q, huyện Q, nay là xã Q, thành phố S. Năm 1988, Ủy ban nhân huyện Quảng Xương, Thanh Hóa, phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1656 m^2 . Năm 1993, ông T đã cắt một phần diện tích đất tại thửa 220 là 1.000m^2(một nghìn) đất cho ông Lưu Văn T (con trai). Năm 1995 ông Lưu Văn T được Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương, Thanh Hóa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích 656 m^2 đất được phê duyệt cho ông T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua thẩm định thực tế tại khu vị trí đất của ông Lưu Văn T, số thửa 220(T), tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính 299/TTg lập năm 1985 thì toàn bộ diện tích đất 2.442 m^2 do ông Lưu Văn T (đã chết) quản lý được xác lập trước năm 1980. Thửa đất đo vẽ năm 1985 có tứ cận: Phía đông giáp thửa 981, tờ bản đồ số 13, lập 2015, cạnh đất dài 51.5mét; phía tây giáp thửa thửa 875 lập năm 2002 (ông Lê Thanh N sử dụng), cạnh đất dài 46.5mét; phía nam giáp thửa 981, cạnh đất dài 48.7mét; phía bắc giáp đường đi xuống biển rộng 6.3mét, cạnh đất dài 48.7mét. (thửa đất 981 là đất lâm nghiệp của ông Lưu Văn T). Hiện trạng diện tích thửa đất bao gồm cả diện tích đất đã cắt cho ông Lưu Văn T là 2.386,3m^2, trên khuôn viên đất đã được xây dựng nhà ở và các công trình phụ khác về phần phía tây thửa đất. Phần thửa đất phía đông rộng 32 mét, dài 51,5 mét là vị trí yêu cầu chia thừa kế. (Vị trí thửa 594, tờ bản đồ số 03 lập năm 1993 bản đồ 364; diện tích 1.731 m^2 đứng tên ông Lưu Văn T (ghi nhầm tên ông Lưu Văn T) nằm trong thửa 220 lập 1985. Năm 2002, thửa 594 của ông T được tách thành 03 thửa; thửa 875, 876 và 877, tờ bản đồ 03, lập năm 2002. Tuy nhiên, thửa đất 875 và 877 không nằm trong khuôn viên thửa đất 220 (cũ) và thửa đất 594, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính lập năm 1993, tương ứng thửa 876, diện tích 1055m^2 đứng tên ông Lưu Văn T). Như vậy, diện tích đất còn lại tại thửa 220(T) lập năm 1985, là 1.386,3m^2 thuộc đất (T) là di sản của ông Lưu Văn T để lại chưa chia. Nguồn gốc di sản yêu cầu chia thừa kế là đất thổ cư được gia đình ông Lưu Văn T sử dụng từ trước năm 1980 cho đến nay không có ai sinh sống ngoài gia đình ông Lưu Văn T và ông Lưu Văn T.Toàn bộ di sản là QSD đất này các đồng thừa kế giao lại cho anh Lưu Văn T (cháu đích tôn) quản lý, sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất. Thửa đất được xác định các cạnh rang giới như sau: Cạnh đất phía đông dài 51.5 mét tiếp giáp thửa 981; cạnh đất phía tây dài 51.5 mét tiếp giáp thửa 594, tờ bản đồ số 03 lập 1993 tương ứng thửa 876 lập năm 2002 (đất của ông Lưu Văn T đã xây dựng nhà và các công trình phụ khác); cạnh đất phía nam rộng là 26 mét 92cm tiếp giáp thửa 981 và cạnh đất phía bắc rộng 26 mét 92cm tiếp giáp đường đi xuống biển.

Anh Lưu Văn T có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Về án phí DSST: Anh Lưu Văn T phải chịu án phí giá trị quyền sử dụng đất theo quyết định 3527/QĐ- UBND ngày 18/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, giá đất tại vị trí 01 tuyến đường còn lại tương ứng giá trị diện tích đất 1386,3m^2 x 500.000đ/m^2 = 693.150.000đ x 5% :2 = 17.328.750đ (mười bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăn măn mươi đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo phúc quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Sầm Sơn;
- THA TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi